

ĐẢNG TA VỚI NGHỆ THUẬT NẮM BẮT THỜI CƠ TRONG CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945

GS TRẦN NHÂM



Khởi nghĩa giành chính quyền trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945 ở Hải Phòng

Nói đến thắng lợi Cách mạng Tháng Tám năm 1945 phải nói đến nghệ thuật nắm bắt thời cơ của Hồ Chí Minh và của Bộ tham mưu tối cao của Đảng ta. Thời cơ là một vấn đề có tầm quan trọng đặc biệt trong nghệ thuật chỉ đạo cách mạng của Đảng. Muốn có thời cơ thì phải biết tạo ra thời cơ và khi thời cơ đến thì phải tận dụng và tranh thủ thời cơ, không được bỏ lỡ. Xác định mục tiêu đúng mà không có thời cơ, hay không biết chủ động tạo ra thời cơ, thì không thể tiến hành Tổng khởi nghĩa thắng lợi. Nguyễn Trãi, nhà chiến lược quân sự lớn của dân tộc ta đã nói: người giỏi dùng binh là ở chỗ biết rõ thời thế. Được thời, có thế, thì biến mất thành còn, nhỏ hóa ra lớn; mất thời, không thế, thì mạnh hóa ra yếu, yếu lại thành nguy, sự thay đổi ấy chỉ trong khoảng trở bàn tay.

Tư tưởng lớn này đã được Hồ Chí Minh tóm tắt bằng mấy câu thơ trong bài Học đánh cờ:

“Phải nhìn cho rộng, suy cho kỹ,
Kiên quyết, không ngừng thế tiến công;
Lạc nước, hai xe đánh bỏ phí,
Gặp thời, một tốt cũng thành công”¹.

Vấn đề *thời cơ*, trong Cách mạng Tháng Tám, đó là lúc cuộc khủng hoảng chính trị ở trong nước ta đã lên đến đỉnh điểm; đội tiền phong của cách mạng đã quyết tâm chiến đấu đến cùng; lực lượng hậu bị đã sẵn sàng ủng hộ đội tiền phong; sự hoang mang dao động và chia rẽ trong hàng ngũ kẻ thù đã lên đến tột độ. Đến thời điểm ấy thì thời cơ chiến lược sẽ xuất hiện như một tất yếu khách quan, và cuộc tổng khởi nghĩa giành chính quyền đương nhiên phải được đặt ra như một quy luật tất yếu. Nhưng, thời cơ cũng có thể lướt qua nhanh chóng, nếu lực lượng cách mạng không kịp thời chớp lấy và lập tức hành động, thì sẽ bỏ lỡ thời cơ.

Vậy khi nào thì thời cơ chiến lược của cuộc Tổng khởi nghĩa sẽ xuất hiện. Hội nghị Trung ương 8 (5 - 1941) cho rằng, phải có năm điều kiện sau đây:

Một là, xây dựng, phát triển và củng cố Mặt trận dân tộc thống nhất chống phát xít Nhật - Pháp ở khắp nơi.

Hai là, gây một phong trào đấu tranh rộng rãi và quyết liệt để cứu nước, cứu dân.

Ba là, chuẩn bị lực lượng vũ trang, phát triển và củng cố các đội tự vệ, đơn vị du kích, thành lập, phát triển và củng cố các căn cứ địa. Tuyên truyền trong binh lính của đế quốc.

Bốn là, vũ trang lý luận và kinh nghiệm khởi nghĩa giành chính quyền cho cán bộ, đảng viên, nghiên cứu kinh nghiệm của các cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn, Nam Kỳ, Đô Lương,...

Năm là, củng cố và phát triển Đảng ở cả thành thị và nông thôn, xây dựng cho được những cơ sở của Đảng và cơ sở cứu quốc ở các nơi tập trung công nhân, các đường giao thông chiến lược.

Những điều kiện nói trên là những yếu tố cơ bản để tăng cường thực lực cách mạng và làm chuyển biến tình hình so sánh lực lượng có lợi cho ta. Ở đây, *điều kiện* là cái xuất hiện của thời cơ. Điều kiện là tiền đề cơ bản để biến khả năng thành hiện thực. Như vậy, thời cơ không phải tự nó xuất hiện mà phải có điều kiện bảo đảm cho thời cơ xuất hiện. Xem xét các điều kiện chính là để bắt mạch thời cơ. Không có những điều kiện cần thiết hoặc chưa tạo ra những điều kiện ấy mà đã vội quyết định thời cơ hành động, thì sẽ rơi vào con đường phiêu lưu, mạo hiểm. Ngược lại, khi đã có đủ các điều kiện tất yếu mà lại không chớp lấy thời cơ để biến khả năng thành hiện thực thì lại phạm sai lầm hữu khuynh.

Đảng ta luôn xem xét việc xuất hiện thời cơ chiến lược tùy thuộc vào điều kiện khách quan và điều kiện chủ quan, điều kiện bên trong và điều kiện bên ngoài, điều kiện trong nước và điều kiện quốc tế, điều kiện có tác dụng nhất thời và điều kiện có tác dụng lâu dài. Về điều kiện khách quan, điều kiện quốc tế có lợi cho cuộc khởi nghĩa, Nghị quyết Trung ương 8 (5-1941), đã chỉ rõ: "... quân Tàu đại thắng quân Nhật, Cách mạng Pháp hay Cách mạng Nhật nổi dậy, phe dân chủ đại thắng ở Thái Bình Dương, Liên Xô đại thắng, cách mạng các thuộc địa Pháp, Nhật sôi nổi và nhất là quân Tàu hay quân Anh - Mỹ tràn vào Đông Dương"². Đó là những điều kiện bên ngoài giúp cho tình hình cách mạng Đông Dương mau phát triển, góp phần tạo thời cơ cho cuộc Tổng khởi nghĩa thắng lợi.

Các học giả phương Tây khi nghiên cứu Cách mạng Tháng Tám năm 1945, đã nhận

xét rằng, các nhà lãnh đạo Việt Minh chưa dự kiến được và tỏ ra bất ngờ đối với sự kiện Nhật đầu hàng Đồng minh.

Nói rằng những nhà lãnh đạo Việt Nam không lường hết khả năng đầu hàng của Nhật là không đúng. Sau cuộc “đảo chính” Pháp ngày 9-3-1945 của phát xít Nhật, thì ngày 25-3-1945, Đảng ta đã dự báo: “Giặc Nhật chiếm hẳn Đông Dương là triệu chứng quân Đồng minh sắp đổ bộ vào Đông Dương đánh Nhật”, khả năng “quân Đồng minh tiến vào đánh Nhật ở Đông Dương không còn xa nữa”. Và đây mới là điều quan trọng: “Quân Đồng minh vào Đông Dương đánh Nhật. Phát xít Nhật đầu hàng Đồng minh... là những dịp tốt cho nhân dân Đông Dương nổi dậy giành quyền độc lập, tự do”⁴. Đây chẳng phải là một trong những điều kiện để Đảng và nhân dân ta chớp lấy thời cơ tiến hành Tổng khởi nghĩa giành chính quyền đó sao? Chỉ đến lúc này, Đảng ta mới có thể dự đoán về đại thể khả năng khách quan và điều kiện cần thiết cho phép xuất hiện thời cơ chiến lược giành độc lập dân tộc.

Khi dự đoán khả năng xuất hiện của thời cơ, Đảng ta bao giờ cũng coi trọng điều kiện khách quan, nhưng luôn luôn nhấn mạnh đến điều kiện chủ quan, đến hành động tự giác của quần chúng nhân dân làm biến đổi khả năng chuyển hóa của thời cơ. Lịch sử chứng minh, cùng một điều kiện khách quan ngang nhau, nhưng điều kiện chủ quan khác nhau, sẽ có tác dụng khác nhau. Nếu chỉ nhấn mạnh điều kiện bên ngoài mà không coi trọng hay coi không đầy đủ điều kiện bên trong thì không thể xác định đúng khả năng hành động để chớp thời cơ giành thắng lợi quyết định cho cách mạng.

Do đó, Đảng ta cho rằng: “... dù đối với Trung Quốc đỏ hay Trung Quốc trắng, đối với Liên Xô hay là Anh, Mỹ ta cũng không được có thái độ ỷ lại, ươn hèn, không được khoanh tay chờ cho người ta đến giải phóng họ. Công việc giải phóng dân tộc của ta phải tự ta làm lấy; sức ủng hộ bên ngoài nếu có thể chỉ là thêm vào mà thôi”. Chính trên ý nghĩa ấy, Đảng ta chỉ rõ: “... bọn phản ta là phải gấp rút chuẩn bị lực lượng để bất cứ trong trường hợp nào cũng có thể lợi dụng khi quân Trung Quốc hay quân Anh, Mỹ vào Đông Dương mà nổi dậy giành chính quyền, tự lực xây dựng cơ sở cho dân tộc”⁵.

Tư duy biện chứng của Đảng luôn luôn thấu suốt quan điểm toàn diện trong khi xem xét khả năng xuất hiện và phát triển của thời cơ, tức là vừa nhấn mạnh điều kiện khách quan, nhưng không xem nhẹ điều kiện chủ quan, nắm vững điều kiện bên trong, nhưng không quên tính toán điều kiện bên ngoài, luôn xem xét các điều kiện trong nước, nhưng không quên xét kỹ đến các điều kiện quốc tế, vừa nhìn toàn cục trên cơ sở phân tích quy luật phát triển tổng hợp của các điều kiện xuất hiện thời cơ, nhưng lại không quên đi sâu phân tích cụ thể các điều kiện riêng biệt trong mối liên hệ tổng thể của thời cơ. Có thể nói đó là nghệ thuật xem xét các quy luật biến đổi của các điều kiện để thúc đẩy quá trình xuất hiện và chuyển hóa của thời cơ.

Trong khi dự đoán các khả năng phát triển của thời cơ, ta không chỉ có xem xét các khả năng phát triển của ta mà còn phải chú ý theo dõi khả năng phát triển của đối phương. Trong cách mạng, mỗi bên muốn thực hiện khả năng lựa chọn của mình thì không thể không tính

đến việc ngăn chặn khả năng thực hiện của đối phương. Vì vậy, muốn thực hiện khả năng được lực chọn, bao giờ cũng phải trải qua một cuộc đấu trí và đấu lực giữa hai lực lượng: mỗi bên đều muốn thực hiện nhanh chóng những khả năng lựa chọn của mình bằng cách cố gắng tìm hiểu, nghiên cứu khả năng hành động của đối phương để ra sức kiềm chế việc thực hiện những khả năng ấy.

Nói đến thời cơ của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, không thể không nói đến cuộc đấu trí hết sức căng thẳng giữa một bên là các nhà chiến lược của lực lượng cách mạng Việt Nam và một bên là các nhà chiến lược của Anh, Pháp, Mỹ, Tưởng Giới Thạch.

Có thể nói trong cuộc “chạy đua” này, các nhà chiến lược của các nước Đồng minh đã gặp khá nhiều mâu thuẫn, lúng túng, bị động và không ít bất ngờ. Cuộc chiến tranh Thái Bình Dương nổ ra ngày 7-12-1941, các nước Đồng minh đều lên tiếng chống Nhật, nhưng tại sao Nhật lại vào Đông Dương một cách khá “dễ dàng” mà không vấp phải một sự chống trả nào của Anh, Pháp, Mỹ, Tưởng. Bởi vì, nội bộ của họ chứa đầy mâu thuẫn: Mâu thuẫn giữa Anh và Mỹ, giữa Pháp và Mỹ, giữa Pháp và Tưởng... Anh thì muốn nhanh chóng vào Viễn Đông để giành lại những thuộc địa mà Nhật đã chiếm giữ sau cuộc chiến tranh Thái Bình Dương; cho nên, trước sau Anh luôn luôn ủng hộ Pháp mau chóng đưa lực lượng sang Viễn Đông chống Nhật và giúp Pháp trở lại Đông Dương. Sau thất bại ở châu Âu vào tháng 6-1940, Pháp buộc phải chấp nhận cho Nhật vào Đông Dương, nhưng trước sau vẫn có âm mưu trở lại thống trị Đông Dương.

Nhìn thấy lực lượng của Anh, Pháp ở Viễn Đông đã suy yếu trong chiến tranh, Mỹ lợi dụng tình hình ấy, âm mưu gạt dần ảnh hưởng của Anh, Pháp ở khu vực này, nhất là muốn loại bỏ Pháp ra khỏi Đông Dương. Nhưng, Mỹ bị kẹt vào cuộc chiến tranh Thái Bình Dương chống Nhật, chưa có cơ hội can thiệp trực tiếp, nên phải dùng con bài Tưởng Giới Thạch để kiềm chân Pháp. Còn Tưởng, tuy đã tuyên chiến với Nhật ngày 9-12-1941, nhưng vì bị hao người tốn của trong cuộc chiến chống Nhật ở trong nước, nên chưa thể nói đến việc chống Nhật trên chiến trường Đông Dương. Hơn nữa, Tưởng muốn tập trung lực lượng cho cuộc chiến chống Đảng Cộng sản Trung Quốc, chứ không muốn phân tán lực lượng đi nơi khác.

Như vậy, bề ngoài họ cũng hô hào chống Nhật, nhưng bên trong nội bộ lại lục đục, vừa lợi dụng nhau lại vừa kiềm chế lẫn nhau, nên quân Nhật mới tiến vào Đông Dương một cách thuận lợi như vậy. Tuy nhiên, ngay từ khi quân Nhật tiến vào Lạng Sơn, nhân dân ta đã dũng cảm đứng lên chống Nhật, điển hình là cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn, tháng 9-1940, đã nói rõ điều này. Vấn đề các lực lượng Đồng minh tiến vào Đông Dương là điều không sớm thì muộn nhất định sẽ xảy ra. Việc lợi dụng mâu thuẫn và làm cho các lực lượng ấy lục đục, kiềm chế và cản chân nhau trong việc vào Đông Dương là điều mà Đảng đặc biệt quan tâm, nhằm làm chậm bước tiến của chúng để tạo thời cơ cho ta chuẩn bị đầy đủ lực lượng tiến hành Tổng khởi nghĩa thắng lợi. Nghị quyết của toàn quốc Hội nghị Đảng Cộng sản Đông Dương đã nhận định rõ:

“a) Sự mâu thuẫn giữa hai phe Đồng minh Anh, Pháp và Mỹ, Tàu về những vấn đề Đông Dương là một điều ta cần lợi dụng.

b) Sự mâu thuẫn giữa Anh, Mỹ, Pháp và Liên Xô có thể làm cho Anh, Mỹ nhân nhượng với Pháp và để cho Pháp trở lại Đông Dương”⁶.

Lợi dụng mâu thuẫn trong nội bộ các lực lượng Đồng minh nhằm tranh thủ và tận dụng thời cơ giành thắng lợi quyết định trong Cách mạng Tháng Tám, là “phải tránh cái trường hợp một mình đối phó với nhiều lực lượng Đồng minh (Tàu, Pháp, Anh, Mỹ) tràn vào nước ta và đặt Chính phủ của Pháp Đờgôn hay một chính phủ bù nhìn khác trái với ý nguyện dân tộc”⁷. Bởi vậy, đường lối hành động của Đảng ta, như Nghị quyết đã chỉ rõ: “... cần tranh thủ sự đồng tình của Liên Xô và Mỹ chống lại mưu mô của Pháp định khôi phục địa vị cũ ở Đông Dương và mưu mô của một số quân phiệt Tàu định chiếm nước ta”. Và điều quyết định trong cuộc chạy đua để tranh thủ thời cơ này là “chỉ có thực lực của ta mới quyết định được thắng lợi giữa ta và Đồng minh”⁸.

Từ năm 1942 trở đi, càng về sau mâu thuẫn và đấu tranh giữa các lực lượng Đồng minh xung quanh vấn đề đưa quân vào Đông Dương tiếp diễn ngày càng gay gắt trong các cuộc đàm phán về khu vực hành quân. Đối với Pháp, kẻ có nhiều quyền lợi thiết thân nhất, và đòi hỏi cấp bách phải vào Việt Nam, thì đã bị Mỹ nhiều lần ngăn cản và gây khó dễ. Ngay từ tháng 9-1943 Pháp đã quyết định tổ chức một đạo quân gồm hai sư đoàn Viễn Đông. Nhưng mãi đến tháng 11-1944, F.Rudoven, Tổng thống Mỹ đã lệnh cho các

nhân viên quân sự và dân sự Mỹ không được thảo luận và đồng ý về bất cứ điều gì với Pháp liên quan tới Đông Dương. Đồng thời từ chối giúp Pháp việc trang bị vũ khí và phương tiện chuyển quân sang Viễn Đông, lý do là Mỹ phải tập trung cho việc phục vụ chiến trường châu Âu. Tháng 1-1945, Rudoven lại có công hàm chính thức từ chối yêu cầu khẩn thiết cung cấp tàu chở quân Pháp sang Viễn Đông, mãi đến tháng 5-1945, sau cuộc “đảo chính” của Nhật ở Đông Dương hai tháng, Pháp mới bắt đầu chuẩn bị đưa hai sư đoàn sang Đông Dương, nhưng đoàn quân này đặt dưới quyền chỉ huy của quân đội Mỹ ở Thái Bình Dương.

Còn trong cuộc “đảo chính”, quân Pháp tháo chạy qua biên giới Việt - Trung, cùng với phái bộ 5 của Pháp ở Côn Minh đều bị quân Tưởng cầm chân ở Hoa Nam. Đến ngày 21-7-1945, Mỹ lại cự tuyệt một lần nữa việc cung cấp tàu chở quân của tướng Pháp Locléc sang Đông Dương. Điều thâm hại đối với Pháp là chỉ hai ngày sau, ngày 23-7-1945, tại Hội nghị Pôtxđam, Mỹ và Anh đã thỏa thuận lấy vĩ tuyến 16 (Đà Nẵng) làm ranh giới hành quân và tiếp nhận sự đầu hàng của Nhật ở Việt Nam. Ở Nam vĩ tuyến 16 thuộc quyền kiểm soát của quân đội Anh và phía Bắc là quân đội Mỹ, nhưng Mỹ lại để cho quân Tưởng thay mình làm việc này từ vĩ tuyến 16 trở ra.

Một số học giả Mỹ cố biện minh cho chính sách trên đây là “thiện chí” của Mỹ “ngăn cản” Pháp trở lại Đông Dương. Nhưng, Mỹ làm như vậy không phải là có thái độ tốt đẹp gì với cách mạng Đông Dương. Chẳng qua là Mỹ muốn gạt Pháp ra khỏi Đông Dương để thay chân Pháp bằng cách “chơi con bài” Tưởng Giới Thạch. Đồng thời chính sách này

cũng phản ánh mâu thuẫn nội bộ giữa các nước Đồng minh trong vấn đề Đông Dương.

Giải pháp vĩ tuyến 16 về Việt Nam thực chất là sự thỏa hiệp và nhượng bộ giữa Anh, Pháp, Mỹ, Tưởng trong việc trở lại và tiêu diệt phong trào cách mạng Việt Nam. Mỹ chấp nhận để Anh đưa quân vào phía Nam vĩ tuyến 16 tức là mặc nhiên chấp nhận cho Pháp trở lại ít nhất là miền Nam Việt Nam, vì Mỹ hiểu được lập trường trước sau như một của Anh ủng hộ việc Pháp trở lại Đông Dương. Cho nên, khi Mỹ tìm cách ngăn cản không muốn cho Pháp vào Việt Nam suốt từ năm 1941 đến năm 1945, thì điều đó Mỹ không có gì là “thiện chí” đối với Việt Nam, mà chính là xuất phát từ quyền lợi đế quốc chủ nghĩa.

Như vậy, sau cuộc Nhật đảo chính Pháp ngày 9-3-1945, cuộc chạy đua giữa lực lượng cách mạng nước ta nhằm giành lại nền độc lập dân tộc, giành chính quyền về tay nhân dân và các lực lượng Đồng minh cùng thực dân Pháp nhằm xác lập quyền lực tại Đông Dương và Việt Nam ngày càng quyết liệt hơn, đặc biệt là trước và sau thời điểm Hội nghị Potsdam có sự phân chia dứt khoát khu vực hành quân và tiếp nhận sự đầu hàng của Nhật ở Việt Nam.

Việc lực đực, mâu thuẫn, lợi dụng, kiềm chế nhau của các lực lượng Đồng minh xuất phát từ lợi ích đế quốc chủ nghĩa như trên đã phân tích, chính là nguyên nhân đầu tiên quan trọng nhất khiến cho các lực lượng Đồng minh lúng túng, bị động và bất ngờ trong việc chọn thời điểm đưa quân vào Đông Dương và Việt Nam.

Trong việc đánh giá lực lượng của Liên Xô. Anh và Mỹ cho rằng, tuy ở Hội nghị Yanta (2-1945), Liên Xô đã thỏa thuận sẽ tham chiến chống Nhật ba tháng sau khi Đức

bị đánh bại ở châu Âu, nhưng họ lại không bao giờ lường được Liên Xô lại có thể nhanh chóng chuẩn bị và điều động được một lực lượng hùng hậu sang mặt trận phía Đông trong một thời gian ngắn. Hơn nữa, Anh và Mỹ cho rằng dù có tuyên chiến với Nhật, nhưng Liên Xô không thể tiêu diệt nhanh gọn đội quân Quan Đông hầu như còn nguyên vẹn như vậy. Bởi do đánh giá cao lực lượng của Nhật và đánh giá thấp lực lượng của Liên Xô, mà trong cuộc chạy đua vào Đông Dương, các Đồng minh đã bỏ lỡ nhiều cơ hội. Cho đến tận ngày 1 tháng giêng năm 1945, trong thông báo gửi Thứ trưởng ngoại giao Mỹ, Tổng thống F.Rudoven nói: “Tôi vẫn chưa muốn chính thức dính líu bất cứ quyết định nào về Đông Dương... Tôi cũng không muốn có bất cứ một nỗ lực quân sự nào vào lúc này để giải phóng Đông Dương khỏi người Nhật... Xét theo quan điểm quân sự hay dân sự, hành động vào lúc này là quá sớm”. Ông ta còn nhấn mạnh: “Đông Dương không nằm trong khu vực quan tâm của Hội đồng tham mưu liên quân Mỹ”⁹.

Trong khi đó thì ngay từ năm 1941, Hồ Chí Minh đã dự báo rằng “*Năm 1945 Việt Nam độc lập*”. Và sau đó, tháng 10-1944, trong *Thư gửi đồng bào toàn quốc*, Người còn nói: “Cơ hội cho dân tộc ta giải phóng ở trong một năm hoặc năm rưỡi nữa. Thời gian rất gấp. Ta phải làm nhanh”¹¹. Ngày 8-8-1945, khi Liên Xô mở mặt trận phía Đông, chính thức tham chiến chống Nhật, thì từ ngày 13 đến ngày 15, Đảng ta triệu tập Hội nghị toàn quốc, chỉ rõ những điều kiện khởi nghĩa ở Đông Dương như đã chín muồi; cơ hội rất tốt cho ta giành quyền độc lập đã tới. Và còn

hiều quyết định cực kỳ khoa học và chính xác nữa mà Hồ Chí Minh và Thường vụ Trung ương đã đưa ra trong thời điểm lịch sử quan trọng này. Đó là những quyết định ở tầm chiến lược và sách lược, ở tầm phương pháp cách mạng và nghệ thuật chỉ đạo, góp phần to lớn dẫn tới thắng lợi vĩ đại trong cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945.

Trong khi các nước Đồng minh có nhiều cơ hội và được chuẩn bị khá chu đáo để giành giật và xác định quyền lực tại Việt Nam, thì thời cơ cách mạng chỉ đến với Đảng và nhân dân ta trong vòng trên dưới 15 ngày, kể từ khi phát xít Nhật tuyên bố đầu hàng Đồng minh. Ngày 19-8-1945, cuộc khởi nghĩa thành công ở Hà Nội, ngày 23-8 ở Huế và ngày 25-8 ở Sài Gòn. Chính phủ lâm thời do Hồ Chí Minh đứng đầu ra đời ngày 28-8-1945. Trong khi đó thì chỉ đến ngày 24-8-1945 Mỹ mới thừa nhận chính thức về quyền của Pháp trở lại Đông Dương, tức là sau khi Cách mạng Tháng Tám đã thành công về cơ bản trong cả nước. Còn Anh thì phải đến ngày 12-9-1945, những đơn vị đầu tiên của quân Anh - Ấn mới vào tới Sài Gòn, trong khi Việt Nam đã tuyên bố độc lập từ ngày 2-9-1945. Thậm chí hơn là Pháp, ngày 18-8-1945, tướng Locléc mới lên đường sang Viễn Đông, Cao ủy Đácgiăngliơ thì đến ngày 5-9-1945 mới rời Pari lên đường đi Ấn Độ để từ đó sang Đông Dương. Còn quân Tưởng thì đến ngày 27-8-1945, gần hai tuần sau khi Nhật đầu hàng, mới bắt đầu vượt biên giới Việt - Trung, và mãi đến ngày 9-9-1945 mới vào tới Hà Nội, trong khi mọi việc chúng ta đã giải quyết xong xuôi vào ngày 2-9-1945.

Toàn bộ những sự kiện đã xảy ra cũng như tất cả những đối sách do Hồ Chí Minh và

Thường vụ Trung ương đề ra và thực thi, đã minh chứng cho tư duy sáng tạo, cho trí tuệ và tài năng kiệt xuất mà Đảng ta đã thể hiện trong nghệ thuật chỉ đạo cách mạng. Mới 15 tuổi, nhưng cách mạng đã tôi luyện cho Đảng ta thành một đảng khá thành thạo trong vận dụng phép biện chứng vào việc phân tích, dự đoán chính xác các khả năng, điều kiện xuất hiện của thời cơ, vào quá trình ứng phó linh hoạt trong việc vận dụng thời cơ và chớp thời cơ hành động kịp thời, mau lẹ như trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945.

Phải là một Đảng đã từng được thử thách trong đấu tranh, nắm vững chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, biết lãnh đạo phong trào thực tiễn bằng cách vận dụng một cách uyển chuyển tính nguyên tắc và tính linh hoạt trong chiến lược và sách lược, bằng cách kết hợp một cách khéo léo tính cứng rắn và tính mềm dẻo trong phương pháp, thì Đảng ta mới có thể áp dụng nghệ thuật ấy một cách tài tình như vậy. Đó là thành công nổi trội của Đảng ta trong nghệ thuật chỉ đạo cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945.

-
1. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, CTQG, H, 2000, T.3, tr. 287
2, 6, 7, 8, 11. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, CTQG, H, 2000, T.7, tr.130, 427, 427, 427, 353
 3. *V.I.Lênin Toàn tập*, Tiến bộ, M, 1977, T.36, tr.352
 - 4, 5. Trường - Chinh: *Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân Việt Nam*, ST, H, 1975, T.1, tr.305, 236
 9. *Cách mạng Tháng Tám, một sự kiện vĩ đại của thế kỷ XX*, CTQG, H, 2005, tr.120
 10. Xem: *Cách mạng Tháng Tám, một sự kiện vĩ đại của thế kỷ XX*, Sđd, tr.121.